TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 642/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Mỹ H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 160/53/5 đường Nguyễn Văn Q, Tổ 3, Khu phố 1, phường P, Quận F, Thành phố H (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Hữu H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 160/53/5 đường Nguyễn Văn Q, Tổ 3, Khu phố 1, phường P, Quận F, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Lê Mỹ H trình bày:

Bà và ông Trương Hữu H qua thời gian tìm hiểu được 02 năm, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 đăng ký ngày 18/02/2016 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận F, Thành phố H. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không cùng quan điểm sống, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho nên không còn hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau. Tình trạng hôn nhân của bà và ông H hết sức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, vì có kéo dài thêm sẽ ảnh hưởng đến mục đích quyền lợi về đời sống vợ chồng

cũng như con cái và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vợ chồng đã cùng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hữu H.

Về con chung: Bà và ông Trương Hữu H có 01 con chung là Trương Hữu P, sinh ngày 11/3/2016 (giới tính: Nam). Hiện đứa trẻ đang sống với bà H. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu câu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà H vẫn xác định lại các yêu cầu như trên; đồng thời bà H trình bày thêm về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, mọi việc và vấn đề kinh tế đều do một mình bà quán xuyến nên bà cảm thấy rất mệt mỏi và áp lực nên bà không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với ông H.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trương Hữu H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

- Bà H và ông H kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận F là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, cả hai không quan tâm lẫn nhau dẫn đến tình cảm ngày càng nhạt và thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Tại phiên tòa, bà H trình bày thêm về nguyên nhân mâu thuẫn do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, mọi việc và vấn đề kinh tế đều do bà lo nên bà cảm thấy rất mệt mỏi và áp lực.

Ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Do đó có cơ sở để khẳng định rằng tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn với ông H của bà H là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: có 01 trẻ là Trương Hữu P (nam) sinh ngày 11/3/2016. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, hiện tại trẻ P đang sống cùng mẹ là bà H, nhằm đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý cũng như quyền về mọi mặt cho trẻ P, việc để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Mỹ H yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Trương Hữu H và ông H đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ

án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Trương Hữu H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Mỹ H và ông Trương Hữu H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn vào năm 2016.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 13 đăng ký ngày 18/02/2016 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận F có đủ cơ sở để xác định bà H và ông H là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hữu H của bà Lê Mỹ H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Trương Hữu H không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng gia đình, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bà Hạnh. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà H trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà Hạnh yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung: bà H và ông H có 01 (Một) con chung là Trương Hữu P, sinh ngày 11/03/2016 (giới tính: Nam).

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện trẻ Trương Hữu P còn nhỏ đang sống với bà H, bà H là người chăm sóc, đưa đón con đi học, có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung và xét cần ổn định tâm lý cho trẻ nên giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Trương Hữu P cho bà Lê Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: tại đơn khởi kiện ly hôn bà H yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Hạnh không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Mỹ H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Lê Mỹ H xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Mỹ H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Lê Mỹ H và ông Trương Hữu H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Trương Hữu H.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Mỹ H và ông Trương Hữu H (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, đăng ký ngày 18/02/2016 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận F, Thành phố H).

2.2. Về con chung: Có 01 con chung là Trương Hữu P, sinh ngày 11/3/2016 (giới tính: Nam). Giao con chung là trẻ Trương Hữu P cho bà Lê Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Mỹ H về việc không yêu cầu ông Trương Hữu H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Hữu H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4 Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà Lê Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng

nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0031302 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Án xử công khai và tuyên án vắng mặt bị đơn.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Lê Mỹ H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trương Hữu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Sang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Luyến